HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14 /2021/NQ-HĐND	*Hải Dương, ngày 08tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Xét Tờ trình số 119/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương. (*Chi tiết theo Phụ lục đính kèm*)

Các nội dung khác giữ nguyên như Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về "*Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương*".

Điều 2. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2021./.

***Nơi nhận*:**
- Ủy ban TV Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (*Cục kiểm tra VB*);
- Ban Công tác Đại biểu;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;

(*để báo cáo*)

- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Lãnh đạo và CV Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương, Trang TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Phạm Xuân Thăng

PHỤ LỤC

Nội dung sửa đổi, bổ sung bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 14/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục II- Bảng giá đất ở tại nông thôn quy định tại Điểm b, Khoản 1 của Phụ lục Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương *(Sau đây gọi tắt là Phụ lục II)* như sau:

a) Bổ sung một số vị trí đất của Thành phố Chí Linh trong Bảng 1. Đất ven đô thị, ven đường giao thông chính (*quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ*), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục II. Mức giá đất các vị trí bổ sung được chi tiết như Phụ lục 01 đính kèm Nghị quyết này. Cụ thể như sau:

- Bổ sung:

"*Đường tỉnh lộ 398 thuộc xã Hưng Đạo (Đoạn từ nhà ông Toàn (Thửa 23 tờ bản đồ 95) đến cổng chùa Bắc Đẩu (Thửa 48 tờ bản đồ 87))*";

"*Đường tỉnh lộ 398 thuộc xã Hưng Đạo (Đoạn từ Dốc Nguy Hiểm (Thửa 11 tờ BĐĐC 89) đến cuối bến phà Đồng Việt (Thửa 197 tờ BĐĐC 82))*".

b) Điều chỉnh, bổ sung một số vị trí đất của huyện Cẩm Giàng trong Bảng 1. Đất ven đô thị, ven đường giao thông chính (*quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ*), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục II. Mức giá đất các vị trí chỉ điều chỉnh tên thì giữ nguyên. Mức giá đất các vị trí bổ sung được chi tiết như Phụ lục 01 đính kèm Nghị quyết này. Cụ thể như sau:

- Điều chỉnh:

"*Đất nằm tiếp giáp đường trục chính cổng khu phố Thương mại- Dịch vụ Ghẽ thuộc xã Tân Trường (tiếp giáp QL5) đến vị trí tiếp giáp đất thực hiện giai đoạn 2 Dự án Khu phố Thương mại - Dịch vụ Ghẽ*" thành "*Đất nằm tiếp giáp trục đường đôi từ cổng khu phố Thương mại- Dịch vụ Ghẽ thuộc xã Tân Trường (từ tiếp giáp Quốc lộ 5) đến vị trí tiếp giáp đất thực hiện giai đoạn 2 Dự án Khu phố Thương mại - Dịch vụ Ghẽ*";

"*Đất ven Quốc lộ 5 (đoạn thuộc xã Cẩm Phúc, đoạn từ ngã 3 Quý Dương đến chợ Ghẽ thuộc xã Tân Trường và đoạn còn lại thuộc xã Cẩm Điền)*" thành "*Đất ven Quốc lộ 5 (đoạn thuộc xã Cẩm Phúc, đoạn từ ngã 3 Quý Dương đến Công ty que hàn Việt Đức thuộc xã Tân Trường và đoạn còn lại thuộc xã Cẩm Điền)*".

c) Điều chỉnh một số vị trí đất của huyện Bình Giang trong Bảng 1. Đất ven đô thị, ven đường giao thông chính (*quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ*), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục II. Cụ thể như sau:

- Điều chỉnh:

"*Đất ven Quốc lộ 38 (đoạn thuộc xã Hưng Thịnh)*" thành "*Đất ven Quốc lộ 38 (đoạn thuộc xã Vĩnh Hưng)*";

"*Đất ven Quốc lộ 5 (đoạn thuộc xã Hưng Thịnh)*" thành "*Đất ven Quốc lộ 5 (đoạn thuộc xã Vĩnh Hưng)*";

"*Đất ven Quốc lộ 38 mới (từ Cầu Sặt đến Đài tưởng niệm)*" thành "**Đất ven Quốc lộ 38 mới (từ Cầu Sặt mới đến Đài tưởng niệm)**";

"*Đất ven Quốc lộ 38 mới (từ Đài tưởng niệm đến hết xã Thúc Kháng)*" thành "*Đất ven Quốc lộ 38 mới (đoạn thuộc xã Thúc Kháng)*";

"*Đất ven đường tỉnh 394 đoạn thuộc xã Thái Học và xã Hồng Khê*" thành "*Đất ven đường tỉnh 394 đoạn thuộc xã Thái Học*";

- Bỏ "*Đất ven đường tỉnh 392 (đoạn thuộc các xã Tráng Liệt)*"; "*Đất thuộc Khu dân cư xã Tráng Liệt (đoạn còn lại ven thị trấn Kẻ Sặt)*".

- Điều chỉnh "*Đất ven Quốc lộ 38 (từ ngã 5 mới đến Khu dân cư Toàn Gia thuộc xã Tráng Liệt)*" thành "*Đất ven Quốc lộ 38 (đoạn từ Ngã 5 mới đến Khu dân cư Toàn Gia 1)*" và chuyển sang đất ở đô thị Loại I, nhóm C (*Bảng 10. Huyện Bình Giang, Phụ lục III*);

- Tách "*Đất ven đường tỉnh 395 (đoạn thuộc các xã Tráng Liệt, Vĩnh Tuy)*" thành "*Đất ven đường tỉnh 395 (đoạn thuộc xã Vĩnh Hưng)*" và "*Đất ven đường tỉnh 395 (đoạn thuộc Thị trấn Kẻ Sặt)*", chuyển "*Đất ven đường tỉnh 395 (đoạn thuộc Thị trấn Kẻ Sặt)*" sang đất đô thị loại II, nhóm B (*Bảng 10. Huyện Bình Giang, Phụ lục III*);

- Tách "*Đất ven Quốc lộ 38 (đoạn từ Khu dân cư Toàn Gia đến cống Tranh thuộc xã Tráng Liệt và xã Thúc Kháng)*" thành "*Đất ven Quốc lộ 38 cũ (đoạn thuộc xã Thúc Kháng)*" và "*Đất ven Quốc lộ 38 (đoạn từ Khu dân cư mới xã Tráng Liệt (Khu Toàn Gia 1 đến cống Tranh)*", chuyển "*Đất ven Quốc lộ 38 (đoạn từ Khu dân cư mới xã Tráng Liệt (Khu Toàn Gia 1 đến cống Tranh)*" sang đất đô thị loại II, nhóm B (*Bảng 10. Huyện Bình Giang, Phụ lục III*);

- Điều chỉnh "*Đất thuộc Khu dân cư xã Tráng Liệt (đoạn từ cống Cầu Vồng đến cụm làng nghề xã)*" thành "*Đất thuộc Khu dân cư xã Tráng Liệt (đoạn từ cống Cầu Vồng đến cụm làng nghề thị trấn Kẻ Sặt)*" và chuyển sang đất đô thị loại II, nhóm B (*Bảng 10. Huyện Bình Giang, Phụ lục III*);

- Điều chỉnh "*Đất thuộc Khu dân cư mới xã Tráng Liệt (khu Toàn Gia)*" thành "*Đất thuộc Khu dân cư mới xã Tráng Liệt (khu Toàn Gia 1)*" và chuyển sang đất đô thị loại II, nhóm B (*Bảng 10. Huyện Bình Giang, Phụ lục III*).

d) Điều chỉnh, bổ sung một số vị trí đất của huyện Gia Lộc trong Bảng 1. Đất ven đô thị, ven đường giao thông chính (*quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ*), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục II. Mức giá đất các vị trí chỉ điều chỉnh tên thì giữ nguyên. Mức giá đất các vị trí bổ sung được chi tiết như Phụ lục 01 đính kèm Nghị quyết này. Cụ thể như sau:

- Điều chỉnh:

"*Đất ven đường tỉnh 395 (đoạn thuộc điểm dân cư Yết Kiêu)*" thành "*Đất ven đường tỉnh 395 (thuộc điểm dân cư Yết Kiêu - đoạn từ cổng Cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp và thức ăn chăn nuôi Minh Phương đến qua ngã 3 rẽ vào Ủy ban nhân dân xã Yết Kiêu 50,0 m)*";

"*Đất ven đường tỉnh 395 (đoạn thuộc xã Gia Tân)*" thành "*Đất ven đường tỉnh 395 (đoạn thuộc xã Gia Tân và đoạn còn lại của xã Yết Kiêu cũ)*";

"*Đất ven đường tỉnh 392 (đoạn thuộc xã Đức Xương)*" thành "*Đất ven đường tỉnh 392 (đoạn thuộc xã Đức Xương và xã Nhật Tân)*";

- Bổ sung:

"*Đất ven đường tỉnh 392 (đoạn thuộc xã Quang Minh)*";

"*Đất ven đường gom đường Ô tô cao tốc Hà Nội- Hải Phòng (ngoài thị trấn Gia Lộc)*";

"*Đất ven đường trục Bắc-Nam*".

đ) Bổ sung một số vị trí đất của huyện Thanh Hà trong Bảng 1. Đất ven đô thị, ven đường giao thông chính (*quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ*), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục II. Mức giá đất các vị trí điều chỉnh giá đất và mức giá đất các vị trí bổ sung được chi tiết như Phụ lục 01 đính kèm Nghị quyết này. Cụ thể như sau:

- Bổ sung:

"*Đất ven đường mặt cắt 26m Khu dân cư mới xã Cẩm Chế (Đường tránh trung tâm xã)*";

"*Đất ven đường gom (đoạn nối từ nút giao lập thể với đường tỉnh lộ 390 xã Hồng Lạc)*";

"Đường tỉnh lộ 390-đường dẫn cầu Quang Thanh".

e) Điều chỉnh, bổ sung một số vị trí đất của huyện Kim Thành trong Bảng 1. Đất ven đô thị, ven đường giao thông chính (*quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ*), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục II.

Mức giá đất các vị trí chỉ điều chỉnh tên thì giữ nguyên. Mức giá đất các vị trí bổ sung được chi tiết như Phụ lục 01 đính kèm Nghị quyết này. Cụ thể như sau:

- Điều chỉnh: "*Đất ven Quốc lộ 17B (đoạn thuộc các xã Ngũ Phúc, Tam Kỳ, Bình Dân và đoạn còn lại thuộc các xã Kim Đính, Đồng Gia)*" thành "*Đất ven Quốc lộ 17B (đoạn thuộc các xã Kim Anh, Ngũ Phúc, Tam Kỳ, Bình Dân và đoạn còn lại thuộc các xã Kim Đính, Đồng Cẩm)*".

- Bổ sung: "*Đất ven Quốc lộ 17B (đoạn thuộc xã Phúc Thành)*".

g) Điều chỉnh, bổ sung một số vị trí đất của huyện Ninh Giang trong Bảng 1. Đất ven đô thị, ven đường giao thông chính (*quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ*), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục II. Mức giá đất các vị trí chỉ điều chỉnh tên thì giữ nguyên. Mức giá đất các vị trí bổ sung được chi tiết như Phụ lục 01 đính kèm Nghị quyết này. Cụ thể như sau:

- Điều chỉnh:

"*Đất ven đường ĐH 01 (đoạn từ thị trấn Ninh Giang đến cống Tây)*" thành "*Đất ven đường ĐH 01 (đoạn từ ngã tư Khúc Thừa Dụ đến cống Tây)*";

"*Đất ven Quốc lộ 37 mới (đoạn từ đường ĐH 01 đến cầu Chanh)*" thành "*Đất ven Quốc lộ 37 mới (đoạn từ đường ĐH 01 đến cầu Chanh)*";

"*Đất thuộc Khu dân cư bến xe cũ (khu B, khu C) có mặt cắt đường Bn > 13,5m thuộc Khu dân cư mới phía Bắc thuộc xã Đồng Tâm*" thành "*Đất thuộc Khu dân cư Bắc thị trấn Ninh Giang thuộc xã Đồng Tâm có mặt cắt đường Bn > 13,5m*".

- Bổ sung: "*Đất thuộc Khu dân cư Bắc thị trấn Ninh Giang thuộc xã Đồng Tâm có mặt cắt đường Bn ≤ 13,5m*".

h) Bổ sung một số vị trí đất của huyện Thanh Miện trong Bảng 1. Đất ven đô thị, ven đường giao thông chính (*quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ*), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục II. Mức giá đất các vị trí bổ sung được chi tiết như Phụ lục 01 đính kèm Nghị quyết này. Cụ thể như sau:

- Bổ sung:

"*Đất ven đường tỉnh lộ 399 (đoạn thuộc xã Tứ Cường)*";

"*Đất ven đường tỉnh lộ 396 (thuộc xã Chi Lăng Nam)*";

"*Đất ven đường tỉnh lộ 393 (đoạn thuộc các xã Phạm Kha, Đoàn Tùng, Hồng Quang và Tân Trào)*";

"*Đất ven đường tỉnh lộ 392C (đoạn thuộc các xã Lê Hồng, Đoàn Kết và Tân Trào)*".

i) Bổ sung một số vị trí đất của huyện Tứ Kỳ trong Bảng 1. Đất ven đô thị, ven đường giao thông chính (*quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ*), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục II. Mức giá đất các vị trí bổ sung được chi tiết như Phụ lục 01 đính kèm Nghị quyết này. Cụ thể như sau:

- Bổ sung:

"*Đất ven đường tỉnh 391 (đoạn thuộc các xã Quang Trung, Tái Sơn)*";

"*Đất ven đường tỉnh 391 (đoạn thuộc các xã Hà Thanh, Hà Kỳ, xã Nguyên Giáp đoạn từ giáp phố Quý Cao đến giáp xã Hà Thanh)*";

"*Đất ven đường gom đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng*".

k) Điều chỉnh tên các vị trí "*Đất ven đường huyện còn lại*" thành "*Đất ven đường huyện*" tại Bảng 1, Phụ lục II thuộc các huyện, thị xã, thành phố: Chí Linh, Kinh Môn, Cẩm Giàng, Bình Giang, Gia Lộc, Nam Sách, Thanh Hà, Kim Thành, Ninh Giang, Thanh Miện, Tứ Kỳ.

2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục III- Bảng giá đất ở tại đô thị; đất thương mại dịch vụ tại đô thị; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị (*Ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề*) quy định tại Điểm c, Khoản 1 của Phụ lục Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương (*Sau đây gọi tắt là Phụ lục III*) như sau:

a) Điều chỉnh, bổ sung một số vị trí đất tại Bảng 1. Thành phố Hải Dương của Phụ lục III như sau:

Điều chỉnh, bổ sung, bỏ tên một số vị trí đất trong loại, nhóm đường phố của 3 loại đất: đất ở tại đô thị; đất thương mại dịch vụ tại đô thị; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị (*ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề*).

Giá đất theo từng loại đất của mỗi vị trí đất sau khi điều chỉnh, bổ sung bằng với giá đất theo từng loại đất tương ứng của các vị trí đất trong cùng loại, nhóm đường phố trong Bảng 1, Phụ lục III. Cụ thể như sau:

- Loại I, nhóm D:

+ Bổ sung: vị trí đường "*Lê Duẩn*";

- Loại I, nhóm E:

+ Bổ sung: các đường: "*Hải Hưng*"; "Hải An";

- Loại II, nhóm C:

+ Bổ sung:

"*Đường phố có mặt cắt đường 22,0 m trong khu đô thị sinh thái ven sông Thái Bình (Ecorivers)*";

"*Đường phố có mặt cắt đường 14,0 m trong khu đô thị sinh thái ven sông Thái Bình (Ecorivers) (đối với các vị trí lô đất mặt quay ra Club House)*".

- Loại II, nhóm E:

+ Bổ sung:

"*Đường phố có mặt cắt đường 18,0 m trong khu đô thị sinh thái ven sông Thái Bình (Ecorivers)*".

- Loại III, nhóm A:

Điều chỉnh: "*Bùi Thị Xuân (từ Nhà thi đấu đến hết địa phận phường Lê Thanh Nghị)*" thành "*Bùi Thị Xuân (đoạn từ Nhà thi đấu đến đường Nguyễn Hải Thanh)*".

- Loại III, nhóm B:

+ Gộp 2 vị trí: "*Nguyễn Thượng Mẫn (đoạn từ cống Hào Thành đến đường Điện Biên Phủ)*" và "*Nguyễn Thượng Mẫn (đoạn từ Chi Lăng đến cống Hào Thành)" thành 1 vị trí: "Nguyễn Thượng Mẫn*";

+ Điều chỉnh: "*Bùi Thị Xuân (đoạn từ giáp phường Lê Thanh Nghị đến cầu Hải Tân)*" thành: "*Bùi Thị Xuân (đoạn từ đường Nguyễn Hải Thanh đến cầu Hải Tân)*".

- Loại III, nhóm E:

+ Điều chỉnh: "*Đường Lê Chân (đoạn từ Trương Mỹ đến đường Bình Minh)*" từ Loại III, nhóm E sang Loại III, nhóm A;

- Loại IV, nhóm A:

+ Điều chỉnh:

"*Lê Hồng Phong*" từ Loại IV, nhóm A sang Loại III, nhóm A;

"*Đường kè Hồ Bình Minh*" từ Loại IV, nhóm D sang Loại IV, nhóm B;

"*Nhữ Đình Hiền*" từ Loại IV, nhóm D sang Loại IV, nhóm A;

+ Bổ sung: "*Đường khu dân cư trong phố Thương mại chợ Hải Tân*"; "*Đường trong khu dân cư Lê Thanh Nghị có mặt cắt >= 15,5 m*";

"*Đường phố có mặt cắt đường 14,0 m trong khu đô thị sinh thái ven sông Thái Bình (Ecorivers) (Không gồm các lô đất mặt quay ra Club House)*";

- Loại IV, nhóm B:

+ Điều chỉnh: "*Hào Thành (đoạn từ cống Tuệ Tĩnh sang đường Phạm Ngũ Lão)*" từ Loại IV, nhóm B sang Loại III, nhóm C;

+ Bổ sung: "*Phạm Đình Hổ*"; "*Trần Quốc Lặc*"; "*Đường trong khu nhà ở phường Nhị Châu mặt cắt Bn ≥ 27m*";

- Loại IV, nhóm C:

Bổ sung:

"*Đường trong khu nhà ở phường Nhị Châu mặt cắt 16,5m ≤ Bn <27m*";

- Loại IV, nhóm D:

+ Bổ sung:

"*Nguyễn Tuân (từ đường Nguyễn Văn Linh đến hết Khu dân cư Thanh Bình)*";

"*Đường nhánh có Bn≥ 21.0m và đường giáp Quốc Lộ 37 trong khu dân cư thương mại và tiểu thủ công nghiệp Thạch Khôi*";

"*Đường trong khu nhà ở phường Nhị Châu mặt cắt Bn < 16,5m*".

- Loại IV, nhóm E:

+ Điều chỉnh: "*Vũ Khâm Lân (đoạn từ phố Yết Kiêu đến phố Cống Câu)*" từ loại IV, nhóm E lên Loại IV, nhóm D; "*Nguyễn Tuấn Trình*" từ Loại IV nhóm E lên Loại IV nhóm C.

+ Bổ sung: các đường: "*Trần Nguyên Hãn*"; "*Bình Lao*"; "*Phạm Thị Trân*"; "*Lại Kim Bảng*"; "*Trần Tiến*"; "*Đoàn Đình Duyệt*"; "*Đặng Dung*"; "*Trịnh Hoài Đức (từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Nguyễn Tuân)*"; "*Đường trong khu dân cư Đồng Bưởi*"; "*Đường trong khu dân cư Lê Thanh Nghị có mặt cắt nhỏ hơn 15,5m*"; "*Đường nhánh có mặt cắt đường 15m ≤Bn≤22m trong khu dân cư thương mại và tiểu thủ công nghiệp Thạch Khôi*"; "*Đường nhánh còn lại trong Khu đô thị Tuệ Tĩnh có mặt cắt đường Bn ≥ 13,5m*"; "*Đường trục xã Gia Xuyên (đoạn trục đường Thạch Khôi - Gia Xuyên đến quốc lộ 37)*";

+ Bỏ "*Đường kè sông Sặt (từ phố Bùi Thị Xuân đến phố Lý Thánh Tông và đoạn từ phố Lý Thánh Tông đến cầu Cất)*".

- Loại V, nhóm A:

+ Điều chỉnh: "*Đường trong khu đô thị phía Tây có Bn ≤ 13,5m*" từ Loại V, nhóm A sang Loại V, nhóm B; "*Đường trong khu đô thị phía Tây có 13,5m < Bn < 23,5m*" từ Loại V, nhóm A sang Loại IV, nhóm E;

+ Bổ sung:

"*Đường trong khu tái định cư phường Ngọc Châu*"; "*Nguyễn Tuân (từ Khu dân cư Thanh Bình đến đường Đức Minh)*";

"*Ngô Văn Sở (từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Phạm Văn Đồng)*";

"*Đường nhánh có mặt cắt đường Bn<15m trong Khu dân cư thương mại và tiểu thủ công nghiệp Thạch Khôi*";

"*Đường trong khu Ford có mặt cắt 13,5m<Bn≤20,5 m*";

"*Đường khu dân cư trong phố Thương mại chợ Hải Tân có Bn < 15,5m*".

+ Bỏ "*Đường Kè sông Sặt (đoạn từ cuối đường Mạc Đĩnh Chi đến giáp cầu Cất)*".

- Loại V, nhóm B:

+ Điều chỉnh:

Các đường: "*Lê Nghĩa*", "*Lê Văn Hưu*", "*Ngô Sỹ Liên*", "*Trần Huy Liệu*" từ Loại V, nhóm B sang Loại V, nhóm A;

Đường "*Tân Trào*" từ Loại V, nhóm B sang Loại IV, nhóm E.

+ Bổ sung: Đường "*Đào Đạo*"; "*Đường giáp đê sông Thái Bình thuộc phường Hải Tân*"; "*Đường Bạch Công Liêu (từ đường Trần Thánh Tông đến khu tái định cư Ngọc Châu)*"; "*Đường Nguyễn Biểu (từ đường Ngọc Uyên đến cầu V6)*"; "*Mai Ngô (đoạn giáp khu đô thị Âu Việt đến đê sông Thái Bình)*"; "*Mai Độ (đoạn giáp khu đô thị Âu Việt đến đê phố Nhị Châu)*"; "*Nguyễn Đình Chiểu (từ đường Tống Duy Tân đến đường Nguyễn Hữu Cầu)*"; "*Đường trong khu dân cư Tỉnh đội thuộc khu Cẩm Khê*"; "*Pháp Loa*"; "*Đường trong khu Ford có mặt cắt Bn ≤ 13,5 m*".

- Loại V, nhóm C:

+ Bổ sung: "*Đường trục xã An Thượng (đoạn từ đường dẫn Cầu Hàn đến Cầu Đình Đông)*".

+ Bỏ "*Đường WB2 (đường liên xã của các thôn Trần Nội, Lễ Quán, Phú Tảo, phường Thạch Khôi)*".

- Loại V, nhóm E:

+ Bổ sung: "*Đường trong khu dân cư Gia Trong*".

b) Điều chỉnh, bổ sung một số vị trí đất tại Bảng 2. Thành phố Chí Linh của Phụ lục III như sau:

Điều chỉnh, bổ sung, bỏ tên một số vị trí đất trong loại, nhóm đường phố của 3 loại đất: đất ở tại đô thị; đất thương mại dịch vụ tại đô thị; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị (*Ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề*).

Giá đất theo từng loại đất của mỗi vị trí đất sau khi điều chỉnh, bổ sung bằng với giá đất theo từng loại đất tương ứng của các vị trí đất trong cùng loại, nhóm đường phố trong Bảng 2, Phụ lục III. Cụ thể như sau:

- Phường Sao Đỏ:

+ Loại I, nhóm B:

Điều chỉnh: "*Đường trong dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh (Khu Vincom), mặt cắt đường 20,5m≤Bn*" từ Loại I, nhóm B lên Loại I, nhóm A.

+ Loại I, nhóm C:

Điều chỉnh: "*Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Hữu Nghị)*" từ Loại I, nhóm C lên Loại I, nhóm B;

Điều chỉnh: "*Đường trong dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh (Khu Vincom), mặt cắt đường Bn < 17,5m*" từ Loại I, nhóm C xuống Loại II, nhóm A.

+ Loại I, nhóm D:

Điều chỉnh: "*Đường trong dự án hạ tầng khu du lịch, dịch vụ và dân cư Hồ Mật Sơn, mặt cắt đường Bn= 17,50m (Lô D)*" từ Loại I, nhóm D lên Loại I, nhóm C;

Bổ sung: "*Đường trong dự án hạ tầng khu du lịch, dịch vụ và dân cư Hồ Mật Sơn, mặt cắt đường Bn= 17,0m (Lô A, Lô B)*".

+ Loại II, nhóm A:

Bổ sung: "*Đường trong dự án hạ tầng khu du lịch, dịch vụ và dân cư Hồ Mật Sơn, mặt cắt đường Bn=17,0m (Lô C)*".

+ Loại II, nhóm C:

Bổ sung: "*Phố Xuân Diệu (Từ lô số CL4 -14 đến lô số CL1-18 của Khu dân cư Licogi 17)*".

+ Loại III, nhóm B:

Điều chỉnh: "*Đường trong Khu dân cư Licogi 17, mặt cắt đường 9,5m ≤ Bn<13,5m*" thành "*Các đường còn lại trong Khu dân cư Licogi 17*".

Bổ sung: "*Phố Xuân Diệu đoạn còn lại*"; "*Phố Vũ Trọng Phụng*".

- Phường Phả Lại:

+ Loại I, nhóm A:

Điều chỉnh: "*Quốc lộ 18 (đoạn từ cầu Phả Lại đến giáp địa giới phường Văn An)*" thành "*Đường Lê Thánh Tông (đoạn từ cầu Phả Lại đến giáp địa giới phường Văn An)*";

Điều chỉnh gộp: "*Thanh Xuân (Quốc lộ 18 cũ: Đoạn từ cây xăng Bình Giang đến ngã 3 Thạch Thủy)*" với "*Đường Thanh Xuân (đoạn từ cây xăng Bình Giang đến giáp phường Văn An)*" ở Loại II, nhóm A thành "*Thanh Xuân (đoạn từ ngã 3 Thạch Thủy đến giáp địa giới phường Văn An)*".

+ Loại I, nhóm B:

Điều chỉnh gộp: "*Đường Thành Phao (đoạn từ ngã ba Thạch Thủy qua Ủy ban nhân dân phường đến cầu kênh thải)*" với "*Đường Thành Phao (đoạn từ đoạn từ cầu kênh thải - tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo qua chợ Thành Phao đến Quốc lộ 18A mới)*" ở Loại I, nhóm C thành "*Đường Thành Phao (đoạn từ ngã 3 trụ sở Ủy ban nhân dân phường Phả Lại cũ đến đường Lê Thánh Tông)*".

+ Loại I, nhóm C:

Điều chỉnh gộp "*Đường Sùng Nghiêm (đoạn từ ngã 3 trụ sở Ủy ban nhân dân phường Phả Lại cũ đến trường Trung học phổ thông Phả Lại)*" với "*Đường Sùng Nghiêm (đoạn từ trường Trung học phổ thông đến đường Lý Thường Kiệt)*" ở Loại II, nhóm A thành "*Đường Sùng Nghiêm (đoạn từ ngã 3 trụ sở Ủy ban nhân dân phường Phả Lại cũ đến đường Trần Khánh Dư)*" và chuyển lên Loại I, nhóm A;

Điều chỉnh gộp "*Đường Thành Phao (đoạn từ đoạn từ cầu kênh thải - tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo qua chợ Thành Phao đến Quốc lộ 18A mới)*" với "*Đường Thành Phao (đoạn từ ngã ba Thạch Thuỷ qua Ủy ban nhân dân phường đến cầu kênh thải)*" ở Loại I, nhóm B thành "*Đường Thành Phao (đoạn từ ngã 3 trụ sở Ủy ban nhân dân phường Phả Lại cũ đến đường Lê Thánh Tông)*" ở Loại I, nhóm B.

+ Loại II, nhóm A:

Điều chỉnh: "*Lục Đầu Giang (đoạn từ Quốc lộ 18 ra bến phà Phả Lại cũ)*" thành "*Đường Lục Đầu Giang (đoạn từ đường Lê Thánh Tông ra bến phà Phả Lại cũ)*".

Điều chỉnh gộp "*Đường Sùng Nghiêm (đoạn từ trường Trung học phổ thông đến đường Lý Thường Kiệt)*" với "*Đường Sùng Nghiêm (đoạn từ ngã 3 Ủy ban nhân dân phường cũ đến trường Trung học phổ thông Phả Lại)*" ở Loại I, nhóm C thành "*Đường Sùng Nghiêm (đoạn từ ngã 3 trụ sở Ủy ban nhân dân phường Phả Lại cũ đến đường Trần Khánh Dư)*" và chuyển lên Loại I, nhóm A.

Điều chỉnh gộp "*Đường Thanh Xuân (đoạn từ cây xăng Bình Giang đến giáp phường Văn An)*" với "*Thanh Xuân (Quốc lộ 18 cũ: Đoạn từ cây xăng Bình Giang đến ngã 3 Thạch Thủy)*" ở loại I nhóm A thành "*Đường Thanh Xuân (đoạn từ ngã 3 Thạch Thủy đến giáp địa giới phường Văn An)*" ở Loại I, nhóm A.

Bổ sung: "*Đường Phao Sơn (đoạn từ tiếp giáp đường Thành Phao đến giáp địa giới xã Hưng Đạo)*";

+ Loại II, nhóm B:

Điều chỉnh: "*Đường xung quanh Khu lắp máy 69-1 cũ*" thành: "*Đường Thanh Bình (đoạn từ đường Thành Phao đến trường Tiểu học Phả Lại, điểm trường Cao Đường)*".

- Phường Chí Minh:

+ Loại I, nhóm C:

Điều chỉnh:

"*Các đường thuộc Khu dân cư Khang Thọ*" thành "*Đường Trần Quốc Chẩn (thuộc Khu dân cư Khang Thọ)*";

"*Đường thuộc Khu dân cư chùa Vần (giáp Khu dân cư hồ Mật Sơn, (Contrenxim))*" thành "*Đường thuộc Khu dân cư chùa Vần (đoạn từ nhà ông Công (Thửa 42 tờ BĐĐC số 8) đến nhà ông Thước (Thửa 9 tờ BĐĐC số 8))*".

+ Loại II, nhóm A:

Điều chỉnh:

"*Đường thuộc Khu dân cư chùa Vần giáp phường Thái Học (từ thửa đất số 23, tờ bản đồ 08 (nhà ông Nguyễn Văn Duyên) đến thửa đất số 88, tờ bản đồ số 08 (nhà ông Nguyễn Đức Hợp)*" thành "*Đường thuộc Khu dân cư chùa Vần đến giáp phường Thái Học (từ thửa đất số 45, tờ bản đồ 08 (nhà ông Nguyễn Văn Nguyệt) đến thửa đất số 88, tờ bản đồ 08 (nhà ông Nguyễn Đức Hợp)*";

"*Đường trong Khu dân cư Mật Sơn*" thành: "*Phố Mật Sơn*".

Bổ sung: "*Đường trong Khu dân cư Trung Tâm (thuộc Khu dân cư Khang Thọ)*"; "*Phố Thanh Khang*";

+ Loại II, nhóm B:

Điều chỉnh: "*Các đường thuộc Khu dân cư Nhân Hưng*" thành "*Đường Trần Quốc Chẩn (thuộc Khu dân cư Nhân Hưng)*" và chuyển lên Loại II, nhóm A.

Bổ sung:

"*Các đường thuộc Khu dân cư Văn Giai*";

"*Đường từ Ngã tư Khang Thọ đi Đồi Thông (ông Thịnh (Thửa 197 tờ bản đồ 6) khu dân cư Khang Thọ đến ông Huy (Thửa 441 tờ bản đồ 10) khu dân cư Đồi Thông)*".

- Phường Thái Học:

+ Loại II, nhóm A:

Bổ sung:

"*Đường 184 (Đoạn từ Quốc lộ 37 đến đầu đường Lê Đại Hành)*";

"*Đường tránh Quốc lộ 18 (đoạn từ giáp phường Chí Minh đến Quốc lộ 37)*";

"*Đường nối Quốc lộ 37 với đường 184*".

c) Điều chỉnh, bổ sung một số vị trí đất tại Bảng 3. Thị xã Kinh Môn của Phụ lục III như sau:

Điều chỉnh một số vị trí đất trong loại, nhóm đường phố của 3 loại đất: đất ở tại đô thị; đất thương mại dịch vụ tại đô thị; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị (*ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề*).

Giá đất theo từng loại đất của mỗi vị trí đất sau khi điều chỉnh bằng với giá đất theo từng loại đất tương ứng của các vị trí đất trong cùng loại, nhóm đường phố trong Bảng 3, Phụ lục III. Cụ thể như sau:

- Phường Minh Tân:

+ Loại I, nhóm B:

Điều chỉnh: "*Phố Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ Gốc đa đến giáp đất kinh doanh hộ ông Dầu*" thành "*Đường Nguyễn Văn Cừ (Đoạn từ Gốc đa đến giáp đất kinh doanh hộ ông Dầu (Thửa 22 tờ BĐĐC số 79)*".

+ Loại II, nhóm B:

Điều chỉnh: "*Phố Hà Trung*" thành "*Phố Hào Thung*"; "*Phố Thánh Hiên*" điều chỉnh thành "*Phố Thánh Thiên*".

- Phường An Phụ:

+ Loại I, nhóm A:

Điều chỉnh: "*Tỉnh lộ 389B*" thành "*Đường Lý Thường Kiệt*";

+ Loại I, nhóm B:

Điều chỉnh: "*Đường từ chân đèo Nẻo đến hết đình Huề Trì*" tách thành 2 vị trí: "*Phố Thượng Sơn (Đoạn từ Chân Đèo Nẻo đến tỉnh lộ 389B)*" và "*Phố Huề Trì (Đoạn từ tỉnh lộ 389B đến đình Huề Trì)*";

+ Loại I, nhóm C:

Điều chỉnh:

"*Đường từ hết đình Huề Trì đến bến Đò Phủ*" thành "*Phố Huề Trì (Đoạn từ hết đình Huề Trì đến bến Đò Phủ)*;

"*Đường từ đình Huề Trì đến trường tiểu học An Phụ)*" thành "*Ngõ của phố Huề Trì*";

"*Đường từ đình Huề Trì đến cầu đội 3 (hết thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 55 - nhà ông Vũ Văn Vui)*" thành "*Phố Thiện Nhân*".

+ Loại II, nhóm A:

Điều chỉnh: "*Đường từ Tỉnh lộ 389B đến hết khu dân cư Cổ Tân*" thành "*Phố Cổ Tân*";

"*Đường từ cống Đông Hà đến ngã 4 Nhà văn hóa khu dân cư An Lăng*" tách thành 2 vị trí: "*Phố Đông Hà (Từ Cống Đông Hà đến Cổng Khu dân cư An Lăng)*" và "*Phố An Lăng (Từ cổng Khu dân cư An Lăng đến ngã 4 Nhà văn hóa Khu dân cư An Lăng)*".

- Phường An Sinh:

+ Loại I, nhóm A:

Điều chỉnh:

"*Đường nối từ đường 389 đến ngã tư đường đi phường Phạm Thái*" tách thành 2 vị trí: "*Phố Kim Xuyên (Đoạn nối từ tỉnh lộ 389 đến ngã tư đường đi phường Phạm Thái)*" và "*Phố Dân Chủ (đoạn từ ngã ba chợ An Sinh đến ngã tư đường đi phường Phạm Thái)*";

"*Đường từ ngã ba chợ đến cầu cụ Tảng*" thành "*Phố Kim Xuyên (Đoạn từ ngã ba chợ đến cầu cụ Tảng)*".

+ Loại I, nhóm B:

Điều chỉnh:

"*Đường từ ngã tư đường đi Phường Phạm Thái đến đường rẽ về Chùa Gạo*" thành "*Phố Dân Chủ (Đoạn còn lại)*";

"*Đường nối từ nhà cụ Tảng đến ngã tư trạm điện Ủy ban*" thành "*Phố Kim Xuyên (Đoạn từ Đường nối từ cầu cụ Tảng đến ngã tư trạm điện Ủy ban nhân dân phường)*".

+ Loại II, nhóm A:

Điều chỉnh:

"*Đường từ Trạm điện Ủy ban đến ngã ba cổng ông Lợi (Thửa số 06, tờ BĐĐC số 44)*" thành "*Phố An Sinh*";

"*Đường từ Trạm bơm Nghĩa Vũ đến chân đèo Nẻo*" thành "*Phố Nghĩa Vũ*".

- Phường Duy Tân:

+Loại I, nhóm A:

Điều chỉnh:

"*Đường Duy Tân (Đoạn từ giáp xã Hoành Sơn đến giáp phường Phú Thứ)*" thành "*Đường Hoàng Quốc Việt*";

"*Đường Dương Linh (Đoạn từ cổng chùa Sanh đến nhà bà Động (Thửa số 30, tờ BĐĐC số 41))*" thành "*Phố Thung Xanh (Đoạn từ cổng chùa Sanh đến nhà bà Động (Thửa số 30, tờ BĐĐC số 41))*";

"*Đường Kim Châu (Phố Hồng Quang, đoạn từ cống ông Giành (thửa số 37, tờ BĐĐC số 57) đến hết nhà ông Khe (Thửa số 191, tờ BĐĐC số 54))*" thành: "*Phố Thánh Quang (Đoạn từ cống ông Giành (thửa số 37, tờ BĐĐC số 57) đến hết nhà ông Khe (Thửa số 191, tờ BĐĐC số 54))*".

+Loại I, nhóm B:

Điều chỉnh: "*Đường Trại Xanh (Đoạn từ cổng chùa Xanh đến ngã 4 vào nhà máy xi măng Trung Hải)*" thành "*Phố Trại Xanh*".

+Loại II, nhóm A:

Điều chỉnh:

"*Đường Kim Châu đoạn còn lại (Từ phố Lê Lợi đến hết phố Bầu)*" thành "*Phố Thánh Quang đoạn còn lại*";

"*Đường Dương Linh đoạn còn lại (từ nhà bà Động (Thửa số 30, tờ BĐĐC số 41) đến giáp phường Tân Dân)*" tách thành 2 vị trí: "*Phố Thung Xanh đoạn còn lại*" và "*Phố giếng Nhẫm*";

"*Phố Bến (đoạn từ đường Duy Tân đến hết nhà máy Phú Tân)*" thành "*Ngõ của Đường Hoàng Quốc Việt (đoạn từ đường Duy Tân đến hết nhà máy Phú Tân)*";

"*Phố Chợ Xanh (đoạn từ đường Duy Tân đến hết nhà máy xi măng Trung Hải)*" thành "*Ngõ của Đường Hoàng Quốc Việt (đoạn từ đường Duy Tân đến hết nhà máy xi măng Trung Hải)*".

- Phường Hiến Thành:

+ Loại I, nhóm A:

Điều chỉnh: "*Đường từ ngã 3 cầu Tống đến ngã 3 nhà ông Lành (Thửa số 29, tờ BĐĐC số 51)*" thành "*Đường Tô Hiến Thành*";

+ Loại I, nhóm B:

Điều chỉnh: "*Đường từ ngã 4 nhà ông Vãng (Thửa số 52, tờ bản đồ ĐC số 47) đến hết thửa số 99, tờ BĐĐC số 46*" thành "*Phố Nguyễn Bỉnh Khiêm*".

+ Loại II, nhóm A:

Điều chỉnh: "*Đường từ Ngã 4 nhà ông Vãng (Thửa số 52, tờ BĐĐC số 47) đến ngã 4 chợ Thống Nhất*" thành "*Phố Nguyễn Du*".

+ Loại II, nhóm B:

Điều chỉnh: "*Các đường, phố còn lại trong phạm vi phường có mặt cắt >= 3,0 m*" tách thành 3 vị trí: "*Phố Thanh Bình*", "*Phố Mỹ Động*", "*Phố Trần Quốc Tảng*".

- Phường Hiệp An:

+ Loại I, nhóm A:

Điều chỉnh: "*Đường Thanh niên (từ ngã 3 cây xăng đến giáp Hội trường văn hóa phường An Lưu)*" thành "*Đường Thanh Niên*".

+ Loại I, nhóm B:

Điều chỉnh: "*Quốc lộ 17B*" thành "*Đường Trần Liễu*"; "*Tỉnh lộ 389*" thành "*Đường Mạc Toàn*".

+ Loại II, nhóm A:

Điều chỉnh: "*Tỉnh lộ 389B*" thành "Phố Tây Sơn".

+ Loại II, nhóm B:

Điều chỉnh: "*Đường từ hộ ông Cao (Thửa số 99, tờ BĐĐC số 30) đến hộ ông Yên (Thửa số 138, tờ BĐĐC số 31) (Khu dân cư Lưu Thượng 1)*" thành "*Phố Hoàng Ngân*";

Điều chỉnh và ghép 2 vị trí: "*Đường từ hộ ông Yên (Thửa số 138, tờ BĐĐC số 31) đến hết Ngã ba Tam Quan (Thửa số 390, tờ BĐĐC số 34) (KDC Lưu Thượng 1)*" và "*Đường từ hộ ông Xuân (Thửa số 99, tờ BĐĐC số 32) đến hộ ông Tỉnh (Thửa số 21, tờ BĐĐC số 37) (Khu dân cư Lưu Thượng 2)*" thành "*Phố Lê Lợi (Đường từ hộ ông Xuân (Thửa số 99, tờ BĐĐC số 32)(Khu dân cư Lưu Thượng 2) đến hộ ông Yên (Thửa số 138, tờ BĐĐC số 31) (Khu dân cư Lưu Thượng 1)*";

"*Đường từ hộ ông Tính (Thửa số 219, tờ BĐĐC số 33) (Khu dân cư Lưu Thượng 2) đến hộ ông Bĩnh (Thửa số 160, tờ BĐĐC số 30) (Khu dân cư Lưu Thượng 1)*" điều chỉnh thành "*Phố Nguyễn Thị Khả*";

"*Đường từ hộ ông Khoan (Thửa số 85, tờ BĐĐC số 33) đến hộ ông Thế Anh (Thửa số 280, tờ BĐĐC số 33) và Đoạn từ hộ ông Mỹ (Thửa số 331, tờ BĐĐC số 33) đến hộ ông Thỏa (Thửa số 19, tờ BĐĐC số 36) (Khu dân cư Lưu Thượng 2)*" điều chỉnh thành "*Phố Mạc Thị Bưởi*";

Điều chỉnh và ghép 2 vị trí: "*Đường từ hộ bà Son (Thửa 35, tờ BĐ 33) đến hộ ông Hiên (Thửa 266, tờ BĐ 33) (Khu dân cư Lưu Thượng 2)*" và "*Đoạn từ hộ ông Bằng (Thửa số 264, tờ BĐĐC số 33) đến hộ ông Thu (Thửa số 345, tờ BĐĐC số 33) và Đoạn từ hộ ông Sinh (Thửa số 379, tờ BĐĐC số 34) đến hộ ông Trường (Thửa số 15, tờ BĐĐC số 37) (Khu dân cư Lưu Thượng 2)*" thành "*Phố Thượng Trang (Đường từ hộ bà Son (Thửa 35, tờ BĐ 33) đến hộ ông Trường (Thửa số 15, tờ BĐĐC số 37) (Khu dân cư Lưu Thượng 2)*";

"*Đoạn từ hộ ông Giang (Thửa số 22, tờ BĐĐC số 33) đến hộ bà Năm (Thửa số 214, tờ BĐĐC số 34) và Đoạn từ hộ ông Hiếu (Thửa số 264, tờ BĐĐC số 34) đến hộ ông Chính (Thửa số 388, tờ BĐĐC số 34)*" điều chỉnh thành "*Phố Đô Lương*";

"*Đường từ hộ ông Luận (Thửa số 117, tờ BĐĐC số 30) đến hộ ông Mạo (Thửa số 191, tờ BĐĐC số 30) và Đoạn từ hộ ông Nghiệp (Thửa số 220, tờ BĐĐC số 30) đến hộ ông Chốn (Thửa số 3, tờ BĐĐC số 35) (Khu dân cư Lưu Thượng 1)*" điều chỉnh thành "*Phố Bắc Sơn*";

Điều chỉnh và ghép 2 vị trí: "*Đường từ hộ bà Bước (Thửa số 2, tờ BĐĐC số 34) đến hộ ông Quân (Gần) (Thửa số 71, tờ BĐĐC số 34) (Khu dân cư Lưu Thượng 1)" và "Đường từ hộ ông Nơi (Thửa số 141, tờ BĐĐC số 34) đến hộ ông Hòa (Thửa số 281, tờ BĐĐC số 34) (Khu dân cư Lưu Thượng 1)*" thành "*Phố Thái Nguyên (Đường từ hộ bà Bước (Thửa số 2, tờ BĐĐC số 34) đến hộ ông Hòa (Thửa số 281, tờ BĐĐC số 34) (Khu dân cư Lưu Thượng 1)*";

"*Đường từ hộ ông Tài (Thửa số 108, tờ BĐĐC số 33) (chợ Quán Vày) đến hộ ông Thích (Thửa số 14, tờ BĐĐC số 28) (Khu dân cư Lưu Thượng 2)*" điều chỉnh thành "*Phố Anh Dũng*";

"*Đường từ hộ ông Sản (Thửa số 85, tờ BĐĐC số 40) đến hộ ông Cường (Thửa số 01, tờ BĐĐC số 38) (Khu dân cư Trại Mới)*" điều chỉnh thành "*Phố Kinh Thầy*".

- Phường Hiệp Sơn:

+ Loại I, nhóm B:

Điều chỉnh: "*Tỉnh lộ 389 (Đoạn từ cầu Tây đến hết trường Phổ thông trung học Kinh Môn II)*" thành "*Trần Hưng Đạo (Đoạn từ cầu Tây đến hết trường Phổ thông trung học Kinh Môn II)*".

+ Loại I, nhóm C:

Điều chỉnh: "*Đường 389 (đoạn còn lại thuộc phạm vi phường Hiệp Sơn)*" thành "*Trần Hưng Đạo đoạn còn lại*".

+ Loại II, nhóm A:

Điều chỉnh:

"*Đường từ nhà ông Hưng (Thửa số 38, tờ BĐĐC số 44) đến nhà bà Khoa (Thửa số 57, tờ BĐĐC số 41) (Khu dân cư Hiệp Thượng)*" thành "*Phố Hạnh Phúc*";

"*Đường từ nhà ông Điểm (Thửa số 69, tờ BĐĐC số 43) đến ngã tư bến phà cũ (Thửa số 18, tờ BĐĐC số 44)*" thành "*Phố Thành Sơn*";

"*Đường từ nhà bà Thăm (Thửa số 124, tờ BĐĐC số 44) đến nhà ông Bon (Thửa số 403, tờ BĐĐC số 44) (Khu dân cư Hiệp Thượng)*" thành "*Phố Song Sơn*";

"*Đường từ nhà ông Mát (Thửa số 210, tờ BĐĐC số 44) đến nhà ông Hải Bí (Thửa số 463, tờ BĐĐC số 44) (Khu dân cư Hiệp Thượng)*" thành "*Phố Bát Vần (Từ nhà ông Mát (Thửa số 210, tờ BĐĐC số 44) đến nhà ông Hải Bí (Thửa số 463, tờ BĐĐC số 44) (Khu dân cư Hiệp Thượng)*";

"*Đường từ nhà ông Minh Cương (Thửa số 290, tờ BĐĐC số 44) đến nhà ông Bon (Thửa số 403, tờ BĐĐC số 44) (Khu dân cư Hiệp Thượng)*" thành "*Phố Bát Vần (Đường từ nhà ông Minh Cương (Thửa số 290, tờ BĐĐC số 44) đến nhà ông Bon (Thửa số 403, tờ BĐĐC số 44) (Khu dân cư Hiệp Thượng)*";

"*Đường từ nhà ông Trường (Thửa số 103, tờ BĐĐC số 60) đến nhà ông Thành (Thửa số 242, tờ BĐĐC số 60) (Khu dân cư An Cường)*" thành "*Phố Trung Đình*";

"*Đường từ nhà bà Gòong (Thửa số 255, tờ BĐĐC số 50) đến nhà ông Duy (Thửa số 319, tờ BĐĐC số 50) (Khu dân cư An Cường)*" thành "*Phố Cống Cộc*".

+ Loại II, nhóm B:

Điều chỉnh "*Đường từ nhà ông Nghị (Thửa số 75, tờ BĐĐC số 45) đến nhà ông Chăm (Thửa số 26, tờ BĐĐC số 46) (Khu dân cư An Cường)*" thành "*Phố Tân An*".

- Phường Long Xuyên:

+ Loại I, nhóm A:

Điều chỉnh: "*Quốc lộ 17 B*" thành "*Đường Trần Liễu*".

+ Loại I, nhóm B:

Điều chỉnh:

"*Đoạn từ Trạm Biến Thế (Thửa số 21, tờ BĐĐC số 40) đến giáp đất ông Lượt (Khu dân cư Ngư Uyên) (Thửa số 428, tờ BĐĐC số 40)*" thành "*Phố Ngư Uyên (Đoạn từ Trạm Biến Thế (Thửa số 21, tờ BĐĐC số 40) đến giáp đất ông Lượt (Khu dân cư Ngư Uyên) (Thửa số 428, tờ BĐĐC số 40)*";

"*Đoạn từ giáp đất ông Hòe (Thửa số 01, tờ BĐĐC số 39) đến giáp sân vận động (Khu dân cư Ngư Uyên) (Thửa số 68, tờ BĐĐC số 45)*" thành "*Phố Phạm Luận (Đoạn từ giáp đất ông Hòe (Thửa số 01, tờ BĐĐC số 39) đến giáp sân vận động (Khu dân cư Ngư Uyên) (Thửa số 68, tờ BĐĐC số 45)*".

+ Loại II, nhóm A:

Điều chỉnh:

"*Đoạn từ giáp đất ông Lượt (Thửa số 428, tờ BĐĐC số 40) đến giáp đất ông Hùy (Thửa số 84, tờ BĐĐC số 46) (Khu dân cư Ngư Uyên)*" thành "*Phố*

Ngư Uyên (Đoạn từ giáp đất ông Lượt (Thửa số 428, tờ BĐĐC số 40) đến giáp đất ông Hùy (Thửa số 84, tờ BĐĐC số 46) (Khu dân cư Ngư Uyên)";

"*Đoạn từ sân vận động (Khu dân cư Ngư Uyên) (Thửa số 68, tờ BĐĐC số 45) đến giáp ông Hùy (Thửa số 84, tờ BĐĐC số 46)*" thành "*Phố Phạm Luận (Đoạn từ sân vận động (Khu dân cư Ngư Uyên) (Thửa số 68, tờ BĐĐC số 45) đến giáp ông Hùy (Thửa số 84, tờ BĐĐC số 46)*".

+ Loại II, nhóm B:

Điều chỉnh:

"*Đoạn từ giáp đất ông Phao (Thửa số 83, tờ BĐĐC số 43) đến giáp đất ông Than (Thửa số 01, tờ BĐĐC số 37) (Khu dân cư Duẩn Khê)*" thành "*Phố Độc Lập*";

"*Đoạn từ giáp đất ông Luyện (Thửa số 354, tờ BĐĐC số 43) đến giáp đất ông Thoa (Thửa số 13, tờ BĐĐC số 44) (Khu dân cư Duẩn Khê)*" thành "*Phố Đông Khê*";

"*Đoạn từ giáp đất ông Vượng (Thửa số 84, tờ BĐĐC số 48) đến giáp đất ông Khá (Thửa số 15, tờ BĐĐC số 37) (Khu dân cư Duẩn Khê)*" thành "*Phố Chiến Thắng*".

- Phường Phạm Thái:

+ Loại I, nhóm A:

Điều chỉnh: "*Tỉnh lộ 389*" thành "*Đường Trần Hưng Đạo*".

+ Loại I, nhóm B:

Điều chỉnh:

"*Đường từ nhà ông Hải (Thửa số 111, tờ BĐĐC số 31) đến hết nhà ông Giướng (Thửa số 13, tờ BĐĐC số 34) (Khu dân cư Dương Nham)*" thành "*Phố Kính Chử*";

"*Đường từ nhà ông Quê (Thửa số 87, tờ BĐĐC số 32) đến hết ao nhà ông Tin (Thửa số 239, tờ BĐĐC số 31) (Khu dân cư Dương Nham)*" thành "*Phố Dương Nham*";

"*Đường từ nhà ông Quảng (Thửa số 208, tờ BĐĐC số 31) đến hết nhà ông Phích (Thửa số 09, tờ BĐĐC số 34) (Khu dân cư Dương Nham)*" thành "*Phố Phạm Trấn*";

"*Đường từ nhà ông Hùng (Thửa số 66, tờ BĐĐC số 30) đến hết bãi đỗ xe Động Kính Chủ (Khu dân cư Dương Nham)*" thành "*Ngõ 1100, Đường Trần Hưng Đạo*";

"*Đường vào động Kính Chủ (Khu dân cư Dương Nham)*" thành "*Ngõ 1114, Đường Trần Hưng Đạo*";

"*Đường từ nhà ông Hội (Thửa số 43, tờ BĐĐC số 30) đến hết nhà bà Hũ (Thửa số 125, tờ BĐĐC số 31) (Khu dân cư Dương Nham)*" thành "*Phố Đình Tây*";

"*Đường trong khu Sân kho (Khu dân cư Dương Nham)*" thành "*Ngõ 1030, Đường Trần Hưng Đạo*";

"*Ngõ vào nhà ông Từ (Thửa số 94, tờ BĐĐC số 32) đến thửa số 64, tờ BĐĐC số 32 (Khu dân cư Dương Nham)*" thành "*Ngõ 990, Đường Trần Hưng Đạo*";

"*Đường từ nhà ông Trường (Thửa số 37, tờ BĐĐC số 36) đến hết ao ông Liên (Thửa số 11, tờ BĐĐC số 35) (Khu dân cư Lĩnh Đông)*" thành "*Phố Đình Đông*";

"*Đường trong khu Sân kho (Khu dân cư Lĩnh Đông)*" thành "*Ngõ 918, Đường Trần Hưng Đạo*";

"*Đường từ nhà ông Nhật (Thửa số 73, tờ BĐĐC số 36) đến hết nhà ông Đảm (Thửa số 62, tờ BĐĐC số 36) (Khu dân cư Lĩnh Đông)*" thành "*Ngõ 916, Đường Trần Hưng Đạo*";

"*Đường từ nhà ông Xoe (Thửa số 25, tờ BĐĐC số 40) đến hết nhà ông Vịnh (Thửa số 13, tờ BĐĐC số 39) (Khu dân cư Lĩnh Đông)*" thành "*Ngõ 911, Đường Trần Hưng Đạo*";

"*Đường từ nhà ông Lộ (Thửa số 33, tờ BĐĐC số 40) đến hết nhà ông Hẹ (Thửa số 49, tờ BĐĐC số 40) (Khu dân cư Lĩnh Đông)*" thành "*Ngõ 901, Đường Trần Hưng Đạo*";

"*Đường từ nhà ông Tài (Thửa số 04, tờ BĐĐC số 32) đến hết nhà ông Huyền (Thửa số 237, tờ BĐĐC số 38) (Khu dân cư Quảng Trí)*" thành "*Phố Thái Sơn*".

+ Loại I, nhóm C:

Điều chỉnh:

"*Đường từ nhà ông Luân (Thửa số 225, tờ BĐĐC số 28) đến hết nhà bà Đạo (Thửa số 03, tờ BĐĐC số 28) (Khu dân cư Quảng Trí)*" thành "*Phố Đông Bắc*";

"*Đường bao khu dân cư Vũ An (Từ thửa số 02, tờ BĐĐC số 39 đến thửa số 99, tờ BĐĐC số 39)*" thành "*Phố Đông An*".

- Phường Tân Dân:

+ Đường phố loại I:

Điều chỉnh:

"*Đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân Phường đến cổng khu dân cư Thượng Chiểu*" thành "*Phố Thượng Chiểu (Từ trụ sở Ủy ban nhân dân Phường đến cổng khu dân cư Thượng Chiểu)*";

"*Đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân phường đến giáp phường Duy Tân*" thành "*Phố Thượng Trà (Từ ngã ba Cống ông Tấn thửa số 27 tờ BĐĐC 30 đến giáp phường Duy Tân)*";

"*Đường từ ngã 3 hộ ông Sơn (Thửa số 100, tờ BĐĐC số 32) đến hết thửa số 362, tờ BĐĐC số 32*" thành "*Phố Tân Bình (Từ ngã 3 hộ ông Sơn (Thửa số 102, tờ BĐĐC số 32) đến hết thửa số 371, tờ BĐĐC số 32)*".

+ Đường phố loại II:

Điều chỉnh:

"*Đường từ giáp phường Phú Thứ đến đèo Hèo*" thành "*Đường từ giáp phường Phú Thứ thửa số 29, TBĐĐ số 42 đến ngã tư phía nam Đèo Hèo thửa số 5, tờ BĐĐC số 41)*";

"*Đường từ đèo Hèo đến giáp phường Duy Tân*" thành "*Đường từ ngã tư phía nam Đèo Hèo thửa số 3, tờ BĐĐC số 41 đến giáp phường Duy Tân thửa số 16, tờ BĐĐC số 40)*";

"*Đường từ đèo Hèo đến chùa Hang Mộ*" thành "*Đường từ ngã ba phía bắc Đèo Hèo thửa số 30, tờ BĐĐC số 38 đến chùa Hang Mộ thửa số 1, tờ BĐĐC số 37*";

"*Đường từ đèo Hèo đến mỏ đá vôi công ty Phú Tân*" tách thành 2 vị trí: "*Phố Kim Trà (Từ phố Đèo Hèo (thửa số 11 tờ 36) đến mỏ đá vôi công ty Phú Tân)*" và "*Phố Đèo Hèo (Từ đầu phố Kim Trà (thửa số 10 tờ 36) đến ngã tư phía Nam chân đèo Hèo (thửa số 55 tờ 38)*".

- Phường Thái Thịnh:

+ Loại I, nhóm A:

Điều chỉnh: "*Đoạn từ cây xăng Lưu Hạ đến địa giới hành chính Hiến Thành*" thành "*Phố Cầu Tống*".

+ Loại I, nhóm B:

Điều chỉnh: "*Đường từ Ngã ba cầu tống đến Ngã tư chợ Thống Nhất*" thành "*tách thành 2 vị trí: "Phố Đồng Tiến" và "Phố Đông Hòa (Đoạn từ nhà ông Cao (thửa 314, tờ 35) đến Ngã tư chợ thống nhất)*".

+ Loại II, nhóm A:

Điều chỉnh:

"*Đường từ hộ bà Huyền (Thửa số 27, tờ BĐĐC số 36) đến hộ ông Khoa (Thửa số 113, tờ BĐĐC số 41) (Khu dân cư Tống Xá)*" thành "*Phố Đông Hòa (Đoạn từ hộ bà Huyền (Thửa số 27, tờ BĐĐC số 36) đến hộ ông Khoa (Thửa số 113, tờ BĐĐC số 41) (Khu dân cư Tống Xá)*";

"*Đường từ Ngã tư chợ Thống Nhất đến hộ bà Mái (Thửa số 254, tờ BĐĐC số 37) (Khu dân cư Tống Buồng)*" thành "*Phố Tống Buồng (Đoạn từ Ngã tư chợ Thống Nhất đến hộ bà Mái (Thửa số 254, tờ BĐĐC số 37) (Khu dân cư Tống Buồng)*";

"*Đường từ Ngã ba ông Yến (Thửa số 318, tờ BĐĐC số 36) (Khu dân cư Tống Xá) đến Ngã ba bà Mái (Thửa số 254, tờ BĐĐC số 37) (Khu dân cư Tống Buồng)*" tách thành 3 vị trí: "*Phố Đông Hòa đoạn còn lại*", "*Phố Đình*", "*Phố Tống Buồng đoạn còn lại*";

"*Đường từ Khu dân cư Sơn Khê đến Chùa Nhất Sơn (mặt cắt ngõ >= 7,0 m)*" thành "*Phố Phú Lợi*";

"*Đường từ đường Thanh Niên (phường An Lưu) đến nhà bà Quý (Thửa số 75, tờ BĐĐC số 30)*" thành "*Phố Cao Sơn*".

- Phường Thất Hùng:

+ Loại I, nhóm A:

Điều chỉnh: "*Tỉnh lộ 389*" thành "*Đường Trần Hưng Đạo*".

+ Loại I, nhóm B:

Điều chỉnh:

"*Đường từ nhà ông Tảo (Thửa số 13, tờ BĐĐC số 51) đến ngã 3 cây xăng nhà ông Cửu (Thửa số 01, tờ BĐĐC số 52) (Khu dân cư Vũ Xá)*" thành "*Phố Đồng Bến*";

"*Đường từ nhà ông Long (Thửa số 142, tờ BĐĐC số 51) đến hết nhà ông Thọ (Thửa số 25, tờ BĐĐC số 53) (Khu dân cư Vũ Xá)*" thành "*Phố Vũ Xá Đông*";

"*Đường từ nhà ông Chiều (Thửa số 428, tờ BĐĐC số 50) đến hết nhà ông Thọ (Thửa số 25, tờ BĐĐC số 53) (KDC Vũ Xá)*" thành "*Phố Vườn Vải*";

"*Đường từ cổng Khu dân cư Phượng Hoàng đến hết nhà ông Lơ (Thửa số 72, tờ BĐĐC số 4) (Khu dân cư Phượng Hoàng)*" thành "*Phố Văn Minh*";

"*Đường từ nhà ông Trường (Thửa số 18, tờ BĐĐC số 40) đến hết nhà ông Tân (Thửa số 06, tờ BĐĐC số 40) (Khu dân cư Phượng Hoàng)*" thành

"*Phố Đồng Xuân (Đoạn từ nhà ông Trường (Thửa số 18, tờ BĐĐC số 40) đến hết nhà ông Tân (Thửa số 06, tờ BĐĐC số 40) (Khu dân cư Phượng Hoàng)*";

"*Đường từ cổng Khu dân cư Pháp Chế đến Trạm biến áp (Khu dân cư Pháp Chế)*" thành "*Phố Pháp Bảo*";

"*Đường từ Nhà văn hóa thôn Pháp Chế đến hết nhà ông Lơ (Thửa số 158, tờ BĐĐC số 41) (Khu dân cư Pháp Chế)*" thành "*Phố Đồng Xuân (Đoạn từ Nhà văn hóa thôn Pháp Chế đến hết nhà ông Lơ (Thửa số 158, tờ BĐĐC số 41) (Khu dân cư Pháp Chế)*";

"*Đường từ nhà ông Tuệ (Thửa số 97, tờ BĐĐC số 47) đến hết nhà ông Vững (Thửa số 199, tờ BĐĐC số 48) (Khu dân cư Hán Xuyên)*" thành "*Phố Nguyễn Văn Trù*".

+ Loại I, nhóm C:

Điều chỉnh:

"*Đường từ nhà ông Tú (Thửa số 01, tờ BĐĐC số 52) đến hết nhà ông Xuân (Thửa số 44, tờ BĐĐC số 51) (Khu dân cư Vũ Xá)*" thành "*Phố Trần Nhân Tông*";

"*Đường từ nhà ông Bảy (Thửa số 108, tờ BĐĐC số 46) đến hết nhà bà Huế (Thửa số 163, tờ BĐĐC số 40) (Khu dân cư Phượng Hoàng)*" thành "*Phố Trần Quốc Tuấn*".

d) Điều chỉnh, bổ sung một số vị trí đất tại Bảng 4. Huyện Nam Sách của Phụ lục III như sau:

Điều chỉnh một số vị trí đất trong loại, nhóm đường phố của 3 loại đất: đất ở tại đô thị; đất thương mại dịch vụ tại đô thị; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị (*Ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề*).

Giá đất theo từng loại đất của mỗi vị trí đất sau khi điều chỉnh bằng với giá đất theo từng loại đất tương ứng của các vị trí đất trong cùng loại, nhóm đường phố trong Bảng 4, Phụ lục III. Cụ thể như sau:

- Thị trấn Nam Sách:

+ Loại I, nhóm A:

Điều chỉnh: "*Nguyễn Đức Sáu (đoạn từ cầu Mạc Thị Bưởi đến bệnh viện đa khoa*" thành "*Nguyễn Đức Sáu (đoạn từ cầu Mạc Thị Bưởi đến xã Nam Hồng*".

+ Loại I, nhóm B:

Điều chỉnh: "*Trần Hưng Đạo*" tách thành 2 vị trí: "*Trần Hưng Đạo (đoạn từ Quốc lộ 37 đến đầu đường Trần Phú)*" lên Loại I, nhóm A và "*Trần Hưng Đạo đoạn còn lại*" xuống Loại I, nhóm C.

đ) Điều chỉnh, bổ sung một số vị trí đất tại Bảng 7. Huyện Tứ Kỳ của Phụ lục III như sau:

Bổ sung vị trí đất trong loại, nhóm đường phố của 3 loại đất: đất ở tại đô thị; đất thương mại dịch vụ tại đô thị; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị (*Ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề*).

Giá đất theo từng loại đất của vị trí đất sau khi bổ sung bằng với giá đất theo từng loại đất tương ứng của các vị trí đất trong cùng loại, nhóm đường phố trong Bảng 7, Phụ lục III. Cụ thể như sau:

+ Loại I, nhóm A:

Điều chỉnh: "*Đường 391 (đoạn từ Đội Thuế thị trấn Tứ Kỳ đến trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn*" thành "*Đường 391 (đoạn từ Đội Thuế cũ thị trấn Tứ Kỳ đến giáp trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn)*".

+ Loại II, nhóm C:

Bổ sung: "*Huyện lộ 191D (Đoạn từ Chi nhánh điện Tứ Kỳ đến giáp xã Chí Minh*".

e) Điều chỉnh, bổ sung một số vị trí đất tại Bảng 8. Huyện Gia Lộc của Phụ lục III như sau:

Điều chỉnh, bổ sung, bỏ tên một số vị trí đất trong loại, nhóm đường phố của 3 loại đất: đất ở tại đô thị; đất thương mại dịch vụ tại đô thị; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị (*Ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề*).

Giá đất theo từng loại đất của mỗi vị trí đất sau khi điều chỉnh, bổ sung bằng với giá đất theo từng loại đất tương ứng của các vị trí đất trong cùng loại, nhóm đường phố trong Bảng 8, Phụ lục III. Cụ thể như sau:

+ Loại I, nhóm A:

Điều chỉnh: "*Đoạn bên đường Lê Thanh Nghị thuộc khu đô thị mới phía Tây*" thành "*Đường Lê Thanh Nghị (đoạn từ số nhà 152 đến Cầu Gỗ)*".

+ Loại I, nhóm C:

Điều chỉnh: "*Đường Lê Thanh Nghị (đoạn từ cổng Công an huyện đến Cầu Gỗ)*" thành "*Đường Lê Thanh Nghị (đoạn từ cổng Công an huyện đến số nhà 152)*".

+ Loại II, nhóm A:

Bổ sung: "*Đất ven đường gom đường ô tô cao tốc Hà Nội- Hải Phòng (đoạn qua thị trấn Gia Lộc)*";

Bỏ vị trí "*Phố Giỗ (Đoạn từ kho lương thực đến Trường mầm non)*".

+ Loại III, nhóm A:

Bổ sung: "*Phố Đỗ Quang (Đoạn còn lại)*".

g) Điều chỉnh, bổ sung các vị trí đất tại Bảng 9. Huyện Cẩm Giàng của Phụ lục III như Phụ lục 02 đính kèm.

h) Điều chỉnh, bổ sung một số vị trí đất tại Bảng 10. Huyện Bình Giang của Phụ lục III như sau:

Bổ sung vị trí đất trong loại, nhóm đường phố của 3 loại đất: đất ở tại đô thị; đất thương mại dịch vụ tại đô thị; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị (*Ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề*).

Giá đất theo từng loại đất của vị trí đất sau khi bổ sung bằng với giá đất theo từng loại đất tương ứng của các vị trí đất trong cùng loại, nhóm đường phố trong Bảng 10, của Phụ lục III. Cụ thể như sau:

- Loại II, nhóm A:

Điều chỉnh: "*Đường 392 mới (đoạn từ cống cầu Sộp đến ấp Thanh Bình)*" thành "*Đường 392 (đoạn từ cống cầu Sộp đến ấp Thanh Bình)*";

Bổ sung: "*Đất thuộc Khu dân cư mới xã Tráng Liệt (khu Tây Bắc)*".

i) Điều chỉnh, bổ sung một số vị trí đất tại Bảng 11. Huyện Ninh Giang của Phụ lục III như sau:

Bổ sung vị trí đất trong loại, nhóm đường phố của 3 loại đất: đất ở tại đô thị; đất thương mại dịch vụ tại đô thị; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị (*Ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề*).

Giá đất theo từng loại đất của vị trí đất sau khi bổ sung bằng với giá đất theo từng loại đất tương ứng của các vị trí đất trong cùng loại, nhóm đường phố trong Bảng 11, của Phụ lục III. Cụ thể như sau:

- Thị trấn Ninh Giang:

+ Loại II, nhóm B:

Bổ sung: "*Đường trong Khu dân cư phía Bắc thị trấn Ninh Giang có mặt cắt đường Bn ≤ 13,5 m*".

3. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục IV - Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn (*Ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề*) quy định tại Điểm d Khoản 1 của Phụ lục Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương (*Sau đây gọi tắt là Phụ lục IV*) như sau:

a) Điều chỉnh, bổ sung một số vị trí đất trong Bảng 1. Bảng giá đất thương mại, dịch vụ ven đô thị, ven đường giao thông chính (*quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ*), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục IV như sau:

- Tên các vị trí đất điều chỉnh, bổ sung như trong nội dung tại Khoản 1 của Phụ lục này;

- Huyện Bình Giang: Bổ sung vị trí "*Ven đường gom đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng*".

- Mức giá đất các vị trí đất có điều chỉnh, bổ sung được quy định trong Phụ lục 03 kèm Nghị quyết này.

b) Bỏ cột 7 và cột 8 tính từ cột "*STT*" từ trái sang (*tương ứng "Vị trí 5" và "Vị trí 6"*) của Bảng 1- Bảng giá đất thương mại, dịch vụ ven đô thị, ven đường giao thông chính (*quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ*), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục IV;

c) Bỏ dòng 6 và dòng 12 tính từ trên xuống (*tương ứng vị trí đất "5" của xã đồng bằng và vị trí đất "5" của xã miền núi*) của Bảng 2-Đất thương mại, dịch vụ tại các vị trí còn lại ở nông thôn của Phụ lục IV.

4. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục V- Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn (*Ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề*) quy định tại Điểm e, Khoản 1 của Phụ lục Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương (*Sau đây gọi tắt là Phụ lục V*) như sau:

a) Điều chỉnh, bổ sung một số vị trí đất trong Bảng 1. Bảng giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ ven đô thị, ven đường giao thông chính (*quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ*), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục V như sau:

- Tên các vị trí đất điều chỉnh, bổ sung như trong nội dung tại Khoản 1 của Phụ lục này;

- Huyện Bình Giang: Bổ sung vị trí "*Ven đường gom đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng*".

- Mức giá đất các vị trí đất có điều chỉnh, bổ sung được quy định trong Phụ lục 04 kèm Nghị quyết này.

b) Bỏ cột 7 và cột 8 tính từ cột "*STT*" từ trái sang (*tương ứng "Vị trí 5" và "Vị trí 6"*) của Bảng 1- Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ ven đô thị, ven đường giao thông chính (*quốc lộ,*

tỉnh lộ, huyện lộ), các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư của Phụ lục V;

c) Bỏ dòng 6 và dòng 12 tính từ trên xuống (*tương ứng vị trí đất "5" của xã đồng bằng và vị trí đất "5" của xã miền núi*) của Bảng 2- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại các vị trí còn lại của nông thôn của Phụ lục V.

5. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục VI- Bảng giá đất thương mại, dịch vụ trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề quy định tại Điểm g, Khoản 1 của Phụ lục Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương như sau:

a) Điều chỉnh, bổ sung tại số thứ tự 6: "*Tỉnh lộ 392 (đoạn thuộc các xã: Nhân Quyền, Bình Minh, Vĩnh Tuy, Vĩnh Hồng, Tráng Liệt, Tân Hồng, huyện Bình Giang và xã Ngũ Hùng, xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện)*" thành "*Tỉnh lộ 392 (đoạn thuộc các xã: Nhân Quyền, Bình Minh, Vĩnh Hồng, Thị trấn Kẻ Sặt, Tân Hồng, huyện Bình Giang và xã Ngũ Hùng, xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện)*";

b) Điều chỉnh, bổ sung tại số thứ tự 8: "*Các khu vực ven các đường huyện lộ*" thành "*Ven đường gom đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng thuộc huyện Bình Giang, Tứ Kỳ và khu vực ven các đường huyện lộ*".

c) Bỏ nội dung: "*Trường hợp hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề chưa hoàn chỉnh hoặc chưa có hạ tầng thì cho phép áp dụng giá đất bằng 80% giá đất vị trí tương ứng trong bảng giá đất (Không áp dụng cho vị trí thuê đất giáp đường giao thông chính có tên trong bảng giá đất của tỉnh)*".

6. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục VII - Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề quy định tại Điểm h, Khoản 1 của Phụ lục Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương như sau:

a) Điều chỉnh tại số thứ tự 5: "*Ven Quốc lộ 38A (đoạn thuộc xã: Lương Điền, Cẩm Điền, Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng và đoạn thuộc xã: Thúc Kháng, Hưng Thịnh, huyện Bình Giang)*" thành "*Ven Quốc lộ 38 (đoạn thuộc xã: Lương Điền, Cẩm Điền, Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng và đoạn thuộc xã: Thúc Kháng, Hưng Thịnh, huyện Bình Giang)*";

b) Điều chỉnh, bổ sung tại số thứ tự 6: "*Tỉnh lộ 392 (đoạn thuộc các xã: Nhân Quyền, Bình Minh, Vĩnh Tuy, Vĩnh Hồng, Tráng Liệt, Tân Hồng, huyện Bình Giang và xã Ngũ Hùng, xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện)*" thành "*Tỉnh lộ 392 (đoạn thuộc các xã: Nhân Quyền, Bình Minh, Vĩnh Hồng, Thị trấn Kẻ*

Sặt, Tân Hồng, huyện Bình Giang và xã Ngũ Hùng, xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện)";

c) Điều chỉnh, bổ sung tại số thứ tự 8: "*Các khu vực ven các đường huyện lộ*" thành "*Ven đường gom đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng thuộc huyện Bình Giang, Tứ Kỳ và khu vực ven các đường huyện lộ*".

d) Bỏ nội dung: "*Trường hợp hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề chưa hoàn chỉnh hoặc chưa có hạ tầng thì cho phép áp dụng giá đất bằng 80% giá đất vị trí tương ứng trong bảng giá đất (Không áp dụng cho vị trí thuê đất giáp đường giao thông chính có tên trong bảng giá đất của tỉnh)*".

7. Sửa đổi, bổ sung Điểm c, Khoản 2 của Phụ lục Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương như sau:

"*Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh thì giá đất được xác định theo giá đất ở quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III. Trường hợp đất xây dựng công trình sự nghiệp được sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh theo đề án liên doanh liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì giá đất được tính theo quy định của mục đích được duyệt tại Phụ lục IV, Phụ lục V*".

8. Bãi bỏ Điểm h, Điểm i và Điểm k, Khoản 2 của Phụ lục Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

9. Bổ sung Điểm g, Khoản 3 của Phụ lục Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương như sau:

"*Trường hợp thửa đất nằm giáp đường gom đã xây dựng và sử dụng của đường giao thông chính mà đường gom chưa có giá đất được quy định trong Bảng giá đất thì áp dụng bằng 80% giá đất của vị trí đường giao thông chính tương ứng đã quy định trong Bảng giá đất.*

Trường hợp thửa đất nằm giáp đường gom của đường giao thông chính mà đường gom đó mới chỉ được phê duyệt theo quy hoạch xây dựng chi tiết, chưa được hình thành tại thời điểm xác định giá đất thì áp dụng bằng 80% giá đất của đường giao thông chính đó. Trong quá trình sử dụng thửa đất, cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra xác định nếu đường gom chưa hoàn thành xây dựng mà chủ sử dụng thửa đất đó khai thác sử dụng phần diện tích quy hoạch đường gom tiếp giáp ranh giới thửa đất vào mục đích chưa được cấp có thẩm quyền cho phép thì cơ quan nhà nước lập biên bản, thông báo cho cơ quan thuế tính lại giá đất làm căn cứ xác định nghĩa vụ tài chính của chủ sử dụng đất bằng

100% giá đất của đường giao thông chính kể từ thời điểm lập biên bản kiểm tra, xác định".

10. Bổ sung Điểm h, Khoản 3 của Phụ lục Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương như sau:

"*Đối với phần diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn dây điện trên không, bị hạn chế khả năng sử dụng theo quy định của pháp luật về điện lực thì được áp dụng giá đất bằng 80% giá đất của vị trí tương ứng trong bảng giá đất*"./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG